

Số: 15/2024/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 18 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Xét Tờ trình số 2490/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công được quy định tại Điều 20 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm: Mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm c, điểm d

khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị-xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 3. Nội dung phân cấp

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không lập thành dự án đầu tư (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư đã được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô và các tài sản còn lại có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản.

b) các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có giá trị dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản có giá trị trên 200 triệu đồng/trên một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có giá trị trên 200 triệu đồng/trên một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh hoặc trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi quản lý quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có giá trị không quá 200 triệu đồng/trên một đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập) quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị trên 200 triệu đồng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1) quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập nêu tại điểm b khoản này) quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm phục vụ hoạt động của đơn vị mình và gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng từ nguồn ngân sách cấp không giao tự chủ. Riêng đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị trên 200 triệu đồng từ nguồn ngân sách cấp không giao tự chủ thực hiện theo điểm a khoản này.

3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự toán tiền thuê từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với dự toán tiền thuê dưới 500 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và dự toán tiền thuê trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với dự toán tiền thuê trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh hoặc trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi quản lý, quyết định đối với dự toán tiền thuê không quá 200 triệu đồng.

4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô và các tài sản còn lại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản.

b) Sở Tài chính quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có giá trị theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô và các tài sản còn lại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản giữa cơ quan mình với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đã được quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô và các tài sản còn lại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở

làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của đơn vị mình và trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với các tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh hoặc trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản.

7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đã được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản này), xe ô tô và các tài sản còn lại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của đơn vị mình và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh hoặc trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản.

đ) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án (đối với tài sản chưa được giao quản lý, sử dụng) quyết định đối với tài sản được cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng công trình mới trên vị trí công trình cũ.

8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô và các tài sản còn lại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của đơn vị mình và từ tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh hoặc trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản.

9. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô và các tài sản còn lại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của đơn vị mình và trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán trên 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh hoặc trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng/một đơn vị tài sản.

10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2024, thay thế Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu - UBTVQH;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT. (CTHĐ.08) Nhân

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh